TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ- ST
Ngày 15/04/2022.
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Đoàn Hồng Sơn**
2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 15 tháng 04 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Hồng L**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 7, khu dân cư ấp T P, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*:** Anh **Huỳnh Công T**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 116, Khu phố B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trương Thị Hồng L trình bày: tôi và anh Huỳnh Công T chung sống với nhau vào ngày 19/09/2013, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và anh T có quen biết và có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải. Mặt khác anh T gần đây thường đến nhà cha mẹ tôi để kiếm chuyện chửi bới, xúc phạm nghiêm trọng đến cha mẹ tôi và còn hăm dọa tôi. Tôi có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không nghe vẫn chứng nào tật ấy, hiện nay tôi và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không có.

- Về phần nợ chung: không có

Tại phiên tòa chị L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Huỳnh Công T.

Về quan hệ con chung: không có

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn anh Huỳnh Công T trình bày**: Theo bản tự khai ngày 04/03/2022 của anh T trình bày: anh T và chị Trương Thị Hồng L chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng hay cự cãi.

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Tòa án anh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với cô Trương Thị Hồng L.

Về quan hệ con chung: không có

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Huỳnh Công T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Huỳnh Công T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Hồng L và anh Huỳnh Công T là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi

vì chị L và anh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T không được pháp luật công nhận làvợ chồng, vì chị L, anh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là vợ chồng là có cơ sở.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung**: do chị L và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4]**Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: chị Trương Thị Hồng L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006201 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Hồng L và anh Huỳnh Công T là vợ chồng.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị Hồng L nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006201 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Trương Thị Hồng L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Huỳnh Công T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật